



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CUONG THINH
Last Middle First

Current Address: 2/27 Ky Hong Q3 TPHCM

Date of Birth: 04/05/45 Place of Birth: Hà Nội

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/24/75 To 01/29/84
Years: 9 - Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: HAI TUAN NGUYEN
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

REF ID: A66666

JAN 05 1985

Số card: 118/85

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
7813 Marthas Lane - Falls Church, VA 22043

Page: 01

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

AS OF: _____

Order: Prisoner's : Former : Currently: Former : Date of Application: Name and Address
No. : Name and address : rank/position: detained : Prisoner : For Orderly Depart-: Of Relative in
: : : in prison: in VN : ure in U.S. : U.S.
: : : Yes: No : Yes : No : :

Date

01	NGUYỄN CƯỜNG THINH	Captain Chief of Polwar QUANG TRUNG Section Deputy Battalion Commander	<u>No</u>	<u>Yes</u> From Jun 24/75 To Jan 29/84	May 19 / 1984.	Nguyen Tuan Hai (son)
02	NGUYỄN MINH QUÂN	First Lieutenant Chief group of PSY WAR 30th Polwar Battalion	<u>No</u>	<u>Yes</u> From: Jun 26/75 to: April 18/81	Oct/12/ 84	Nguyen Hoang Ninh Tuan (son)

please see documents
attached for details

ILLINOIS, Dec 29th, 1984.

Kính gửi: HỘI TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM.
5555 Columbra Pike Suite D
Arlington, VA 22204.

Cháu tên: Nguyễn Tuấn Hải

Địa chỉ:

Cháu làm đơn này kính xin quý hội giúp đỡ cho bố cháu được đoàn tụ với cháu.
Hiện tại bố cháu là tù nhân của Công Sản sau 8 năm giam cầm, vừa được thả về
Cuối tháng 1/84. Vợ già đình phải gánh chịu thêm bệnh tật của người tù nhà tù công sản
ra.

Mong quý hội giúp đỡ, và cháu xin gửi lời cảm ơn tới quý hội.

Bố cháu tên: Nguyễn Cường Thịnh.

Đơn vị Chức vụ: Đại Uý Chiến Tranh Chính Trị thuộc Trung Tâm Huấn luyện Quang Trung.

Thời gian cải tạo: 6/1975 đến 2/1984.

Kính đơn.

Tuấn Hải

Nguyễn Tuấn Hải.

Cháu tên: Nguyễn Hoàng Minh Quân

Địa chỉ:

Cháu làm đơn này kính xin quý hội giúp đỡ cho bố cháu được đoàn tụ với
cháu. Bố cháu trước kia là sĩ quan QL VNCH, sau 30-4 bị đưa học tập cải tạo
và được thả về vào tháng 4 năm 1981 và mang theo nhiều bệnh tật từ nhà tù
công sản.

Bố cháu tên: Nguyễn Minh Quân

lập bậc & đơn vị: Trung úy thuộc tiểu đoàn 30 Chiến tranh Chính trị.

Thời gian cải tạo: 6/1975 → 4/1981

Mong quý hội giúp đỡ, và cháu xin gửi lời cảm ơn đến quý hội.

Kính đơn.

Quân

Mỹ - Hoàng Minh Quân

TO: ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE _____ date Oct 9th 1984
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok, THAILAND IOI20

SUBJECT : Application for Immigration-Visa to emigrate to the USA

Dear Sir,

I undersigned : NGUYEN CUONG THINH Sex : M.
Date and place birth : Apr. 5th 1945. Hanoi. North. V.N
Nationality : Vietnamese
Family status :
Presently address : Number. 2/27, Ky Dong street,
Ward/Village 3 District,
HO CHI MINH City/Province, South Vietnam

PAST STATUS :

I was a former : OFFICER
Title/Rank : Captain Army Serial number 65./131.062
Title of (last) positions : Deputy Battalion Commander
Agency/Company/Office :

Ministry/Office/Military Unit : QUANG TRUNG. TRAINING. CENTER.

Name of Supervisor : BRIGADIER. ~~GENERAL~~. GENERAL. TRAN. BA. DI

Based on the authority of the Organization and the spirit of humanitarian act and due to my difficult situation. I wish to request your precious assistance and intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam in order that my family and I may be permitted to leave Vietnam under your arrangement and protection and, under the ODP in favour of a former with the Government, to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the USA :

No	Full name	DOB	and	POB	Sex	M/S	Relationship
1	TRAN THI LAN.	Nov. 10 th 1942		Nam Dinh	F	Married	Wife . . .
2	NGUYEN MONG HANG.	Oct. 9 th 1966		Saigon	F	Single	Daughter . .
3	NGUYEN NGOC HIEN.	Jul. 19 th 1968		Saigon	F	Single	Daughter . .
4	NGUYEN NGOC HAN.	Jan. 4 th 1971		Saigon	F	Single	Daughter . .
5	NGUYEN TUAN HINH	Oct. 4 th 1972		Gia Dinh	M	Single	Son . .
6							
7							
8							
9							
10							

Your approval on my request to help us through your humanitarian act, will be highly appreciated.-

Very truly Yours,

ENCLOSURED

- Questionnaire for ODP Applicants.
- 06 Birth Certificates.
- 01 Marriage Certificates.
- 01 Release Certificates



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # 089174

Date: Oct 9th 1984
Ngày: Oct 9th 1984

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN CUÔNG THỊNH Sex: Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : No
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : April 5, 1945 Hanoi North VN
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 2/27 Ky Dong street, 3 District
Ho Chi Minh City
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 2/27 Ky Dong street, 3 District
Ho Chi Minh City
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : No

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm-sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRẦN THILAN</u>	<u>Nov 12th 1942</u>	<u>Nam Định</u>	<u>F</u>	<u>Married</u>	<u>Wife</u>
2. <u>NGUYỄN MỘNG HĂNG</u>	<u>Oct 9th 1966</u>	<u>Saigon</u>	<u>F</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>NGUYỄN NGỌC HIỀN</u>	<u>Jul 10th 1968</u>	<u>Saigon</u>	<u>F</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
4. <u>NGUYỄN NGỌC HÂN</u>	<u>Jan 4th 1971</u>	<u>Saigon</u>	<u>F</u>	<u>Single</u>	<u>Daughter</u>
5. <u>NGUYỄN TUÂN HINH</u>	<u>Oct 4th 1972</u>	<u>Gia Định</u>	<u>M</u>	<u>Single</u>	<u>Son</u>
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of: birth certificates, marriage certificates (if married); divorce decrees (if divorced); spouse's death certificate (if widowed); identification cards (if available); and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	NGUYỄN TUẤN HẢI	NGUYỄN HẢI
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	Son	Elder brother
c. Address Địa-chỉ		
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	Jan 16 th 1984	Dec 15 th 1983
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên		
b. Relationship Liên-hệ gia-đình		
c. Address Địa-chỉ		

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	NGUYỄN VĂN BÌNH (L)
2. Mother Mẹ	HOÀNG THỊ ĐE (D)
3. Spouse Vợ/Chồng:	TRẦN THỊ LAN (L)
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	None
5. Children Con cái:	(1) NGUYỄN TUẤN HẢI 1964 USA (2) NGUYỄN MÔNG HẰNG 1966 (3) NGUYỄN NGỌC HIỀN 1968 (4) NGUYỄN NGỌC HÂN 1971 (5) NGUYỄN TUẤN HÌNH 1972 (6) (7) (8) (9)
6. Siblings Anh chị em	(1) NGUYỄN HOÀNG (D) (2) NGUYỄN HẢI USA (3) NGUYỄN MINH QUÂN (4) NGUYỄN THỊ BẢO CHÍNHH USA (5) NGUYỄN THỊ BẢO VÂN (6) NGUYỄN KIẾN TƯỜNG (7) NGUYỄN THANH MAI USA (8) (9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office :

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm-việc :

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm việc :

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment

From:

To:

Thời gian làm việc :

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

NGUYỄN CƯỜNG THINH

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

To:

Từ

Oct 15th 1964

Tới

April 30th 1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

: Captain

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: 65/131.062

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung

: Quang Trung Training Center

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy

: Brigadier-General TRẦN BA ĐI

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

Apr 30th 1975 My Military Mission
has been engulfed in interruption.

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas awards or certificates, if available.

Available: Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đừng sợ có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

to:

To

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đi học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

NGUYỄN CƯỜNG THINH

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Jun 24th 1975

To:

Jan 29th 1984

3. Still in Reeducation? * Yes ☐ No ☐

Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☐ Không ☒

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Các chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Thinh

Date

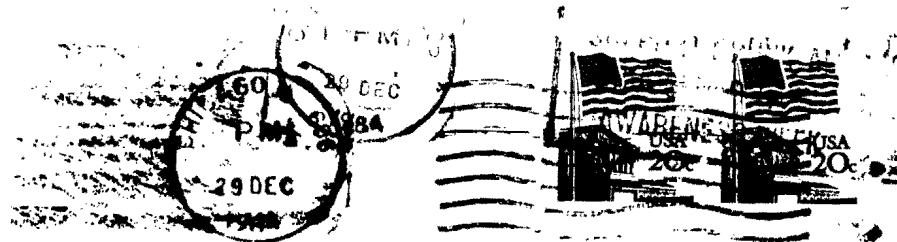
Ngày

Oct 3th 1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

From: Hai Nguyen



HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRI VIỆT NAM
5555 Columbia Pike, Suite D
Arlington, VA 22204

TRI 55 230447C1 01/04/85

TRI
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635